

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST  
Ngày 16-4-2026  
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy Thảo

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

**- T1 ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thảo Vân - T1 ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 381/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hải T, sinh năm 1984; có mặt

Địa chỉ: Số 10/59 Tôn Đ, phường Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1980; có mặt

Địa chỉ: Số 10/59 Tôn Đ, phường Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội V; địa chỉ: Số 169 Linh Đ, phường Hoàng L, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ánh S – Chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Cẩm Lệ - Đà Nẵng; địa chỉ: Số 02 Phan Sĩ Th, phường Cẩm L, thành phố Đà Nẵng; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2025, biên bản hòa giải, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Hải T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Hải T xác định, bà và ông Nguyễn Ngọc T1 kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Thọ Tây cũ nay là phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự

nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ trên đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân: Bất đồng quan điểm sống, không nói chuyện được với nhau, không cùng chung chí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình nên hai người đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay và người nào tự chăm lo cuộc sống và bản thân của người đó, không quan tâm gì đến nhau. Nay bà T xác định không còn tình cảm T1ong yêu ông T1, xét mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T1.

Về quan hệ con chung: Bà Võ Thị Hải T xác định, bà với ông Nguyễn Ngọc T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh M, sinh ngày 07/11/2011 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14/11/2012. Ly hôn, bà Võ Thị Hải T xin nuôi hai con đến khi lần lượt từng con đủ tuổi trưởng thành. Yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng)/mỗi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà Võ Thị Hải T xác định, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Võ Thị Hải T xác định, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 đã trình bày tại văn bản trình bày ý kiến của bị đơn, biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T1 thống nhất với phần trình bày của bà T về thời gian, nơi kết hôn và nơi sinh sống sau kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng ông T1 xác định do bất đồng quan điểm về tài chính nên vợ chồng không có tiếng nói chung, sự việc kéo dài từ năm 2023; hiện hai người sống riêng, người nào tự chăm lo bản thân cho người đó và ly thân từ năm 2024 đến nay. Nay ông T1 xác định ông còn tình cảm với bà T nên mong muốn được đoàn tụ, nhưng bà T cương quyết ly hôn thì ông đồng ý.

Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Ngọc T1 xác định giữa ông và bà T có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh M, sinh ngày 07/11/2011 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14/11/2012. Ly hôn, ông T1 xin nuôi hai con. Không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng có tài sản chung, nhà đất; tiền đầu tư vào cơ sở vật chất thể dục thể thao là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) nhưng do vợ chồng chưa thỏa thuận được nên không yêu cầu Tòa án phân chia trong vụ án này, nếu sau này không tự phân chia được thì giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách 100.000.000 đồng, nhưng ngân hàng không yêu cầu nên không xem xét.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đề nghị Tòa án không giải quyết khoản nợ trong vụ án ly hôn này và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T1 ký phiên

tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (viết tắt: Ngân hàng) vắng mặt lần thứ hai, hồ sơ đã có ý kiến trình bày, đồng thời Ngân hàng, đương sự trong vụ án không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ của bà T, ông T1 nên không ảnh hưởng đến quyền nghĩa vụ của ngân hàng. Do đó, quyền nghĩa vụ của Ngân hàng đã được bảo đảm, đồng thời không cần thiết phải đưa ngân hàng vào tham gia tố tụng trong vụ án nữa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

*Về nội dung:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hải T về việc xin ly hôn đối với ông Nguyễn Ngọc T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị Hải T được ly hôn đối với ông Nguyễn Ngọc T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Minh M, sinh ngày 07/11/2011 và cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14/11/2012 cho bà Võ Thị Hải T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi lần lượt từng con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông T1 cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 6.000.000 đồng (một con mỗi tháng 3.000.000 đồng) cho đến khi lần lượt từng con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông T1 xác định, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà T, ông T1 và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, nếu sau này giữa các bên có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

5. Án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc bà Võ Thị Hải T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Võ Thị Hải T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thụ lý giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1. Ông T1 cư trú tại: Số 1006/59/10 Tôn Đ, phường Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 (sau đây gọi chung là: Bộ luật Tố tụng dân sự). Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thụ lý, giải quyết đơn của bà T là đúng thẩm quyền.

[1.2] Đối với việc tham gia tố tụng của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam: Sau khi thụ lý vụ án, xét thấy bà T và ông T1 có nợ tiền Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (viết tắt: Ngân hàng) nên Tòa án đã bổ sung Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng Ngân hàng đã có văn bản đề nghị Tòa án không giải quyết khoản nợ của bà T và ông T1 trong vụ án ly hôn và xin giải quyết vắng mặt. Bà T với ông T1 cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ của ngân hàng. Xét đây là ý chí tự nguyện của các đương sự không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết khoản nợ của bà T, ông T1 với Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử loại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam ra khỏi tư cách đương sự là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không có quyền kháng cáo trong vụ án. Nếu sau này giữa Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam với bà T, ông T1 có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

## [2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Hải T xin được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T1.

*Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:* Bà Võ Thị Hải T với ông Nguyễn Ngọc T1 xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Thọ Tây cũ nay là phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng năm 2009 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau kết hôn, lúc đầu vợ chồng bà T và ông T1 sống hạnh phúc, thể hiện hai người sinh được hai người con chung. Tuy nhiên, quá trình chung sống sau này giữa bà T, ông T1 đã xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, cụ thể: Cả bà T và ông T1 đều xác định đã từ lâu hai người không nói chuyện được với nhau, hai người đã sống ly thân; theo bà T hai người sống ly thân từ năm 2019, theo ông T1 hai người sống ly thân từ năm 2024, hiện hai người không còn chung chí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình, người nào tự chăm lo cuộc sống và bản thân của người đó, không quan tâm gì đến nhau. Nay bà T xác định không còn tình cảm, T1ong yêu ông T1; ông T1 xác định còn tình cảm, T1ong yêu bà T nhưng từ ngày bà T nộp đơn xin ly hôn ngày 31/10/2025 đến nay ông T1 cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình tình cảm, hai người vẫn không nói chuyện, trao đổi được với nhau, người nào vẫn ở riêng nhà của người đó,

Tòa án cũng đã tạo điều kiện hòa giải nhiều lần để vợ chồng bà T ông T1 đoàn tụ nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn với ông T1.

Hơn thế nữa, ngoài những mâu thuẫn trên thì vào năm 2023, bà T đã nộp đơn ly hôn và đã được Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ cũ thụ lý nhưng sau đó bà T rút đơn và Tòa án đã đình chỉ vụ án tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 64/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2023 để tạo cơ hội vợ chồng về lại với nhau nhưng từ đó đến nay tình cảm của bà T và ông T1 vẫn không có tiến triển, bà T tiếp tục nộp đơn xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà T và ông T1 đã trở nên trầm trọng, xét mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Hải T đối với ông Nguyễn Ngọc T1 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà T và ông T1 xác định, ông bà có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Minh M, sinh ngày 07/11/2011 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14/11/2012. Ly hôn, cả bà T và ông T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con.

*Xét nguyện vọng của bà T và ông T1 thì thấy:*

Dù bà T với ông T1 có ly hôn hay không ly hôn, thì cả bà T và ông T1 đều có quyền được nuôi con, cũng như có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Ông T1 và bà T có hai con trai, hiện các cháu đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với bà T nhưng xét điều kiện nuôi con của ông T1 và bà T thì ông T1 và bà T đang ở nhà sát cạnh nhau, cả hai người đều có điều kiện kinh tế, thời gian để chăm sóc nuôi dưỡng con chung, ông T1 và bà T không bị hạn chế hoặc bị tước quyền nuôi con (bà T làm kế toán, ông T1 là bộ đội), do đó việc giao con cho ai nuôi cũng không làm xáo trộn việc học hành của các con, ý kiến của con trên 7 tuổi chỉ mang tính tham khảo. Từ những phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi của cha, mẹ, cũng như để bảo đảm sự phát triển toàn diện của con, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng một đứa con là cháu Nguyễn Minh T2 sinh ngày 14/11/2012, giao cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng một đứa con là cháu Nguyễn Minh M sinh ngày 07/11/2011 thì phù hợp hơn. Do đó, ý kiến của ông T1 và bà T xin được trực tiếp nuôi hai con không được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T được trực tiếp nuôi một con, ông T1 được nuôi một con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp. Do đó, bà T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi một con 3.000.000 đồng/tháng không được chấp nhận. Ông T1 không yêu cầu nên không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T và ông T1 xác định, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết, nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Bà T, ông T1 và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam xác định có nợ 100.000.000 đồng, nhưng đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Hải T phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng phân tích về quan hệ hôn nhân, quan hệ tài sản chung và nợ chung phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Đối với quan hệ con chung, Viện kiểm sát đề nghị cho bà T được nuôi hai con, buộc ông T1 cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 6.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy bà T và ông T1 có hai con chung và đều có điều kiện để nuôi con, như phân tích của Hội đồng xét xử thì giao cho mỗi người nuôi một con, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp nên đề nghị về giao con, cấp dưỡng nuôi con của Đại diện viện kiểm sát không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1ờng vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hải T đối với ông Nguyễn Ngọc T1 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị Hải T được ly hôn đối với ông Nguyễn Ngọc T1.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14/11/2012 cho bà Võ Thị Hải T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Giao con chung là cháu Nguyễn Minh M, sinh ngày 07/11/2011 cho ông Nguyễn Ngọc T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc bà Võ Thị Hải T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp tại biên lai thu số 0006163 ngày 27/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 16/4/2026.

*Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Hòa Thọ Tây cũ nay phường Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng số 64/2009 ngày 12/6/2009;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thế Anh**